TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỊNH BIÊN** TỈNH ANG GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Thuần;

2. Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 về việc *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã L, huyện TT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Th, sinh năm 1977, vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày: Bà và ông Lê Văn Th thông qua mai mối và quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc ngày 13/9/2007, sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình ông Th tại khóm A, thị trấn B, huyện TT. Thời gian đầu

chung sống hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Th không lo làm ăn mà chỉ biết sống nhờ vào cha mẹ, kinh tế gia đình khó khăn, mỗi lần bà khuyên thì vợ chồng cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên bà bỏ đi làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010 và sống ly thân đến nay, không còn liên lạc với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: tên Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 07/12/2007, hiện nay do ông Th đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà giao con cho ông Th tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Tại lời khai ngày 14 tháng 9 năm 2017, bị đơn ông Lê Văn Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện TT vào năm 2007 là đúng như bà T nêu. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đinh ông được 4 năm. Trong quá trình chung sống, do có con nhỏ nên ông ở nhà giữ con, không làm ra tiền nên kinh tế gia đình khó khăn, vì thế vợ chồng thường xuyên cự cải, xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2010 thì bà T đi Thành phố làm công nhân, sống ly thân từ đó cho đến nay. Do còn thương vợ ông mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, xin đoàn tụ gia đình, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: tên Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 07/12/2007, hiện nay do ông đang nuôi dưỡng, nếu Tòa án xử ly hôn thì ông yêu cầu được quyền nuôi con chung, ông không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- Tại lời khai ngày 6/9/2017 thì cháu Lê Huỳnh Đ có nguyện vọng được sống với cha Lê Văn Th sau khi cha mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Thị T giữ nguyên yêu cầu và không cung cấp chứng cứ gì thêm; ông Lê Văn Th vắng mặt.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Lê Văn Th được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa bà T và ông Th không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Lê Văn Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập ông Lê Văn Th tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt, có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện và đơn xác nhận của Công an xã A thì bị đơn anh Lê Văn Th tạm trú tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị T và ông Lê Văn Th được xác lập vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà T, ông Th và theo xác minh tại Ban khóm A, thị trấn B, huyện TT thì giữa bà Đặng Thị T và ông Lê Văn Th có mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2010 đến nay mà bà T và ông Th không hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ gia đình. Điều này chứng minh tình nghĩa vợ chồng của bà T, ông Th không còn; mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị T và ông Lê Văn Th có một đứa con chung tên Lê Huỳnh Đ; sau khi ly hôn bà T, ông Th thống nhất giao con chung cho ông Th nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của

cháu Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này là có cơ sở theo Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Bà Đặng Thị T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

- Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ông Lê Văn Th không yêu cầu giải quyết, bà Đặng Thị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà Đặng Thị T, ông Lê Văn Th cùng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Lê Văn Th không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị T được ly hôn ông Lê Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn Th được nuôi dưỡng con chung tên Lê Huỳnh Đ, sinh ngày 7/12/2007. Bà Đặng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đặng Thị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0015579 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Nam Phú

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKS huyện (1);
- THA huyện (1);
- UBND thị trấn B (1);
- Lưu vp, hs (2).